

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ THỊ HƯƠNG LAN

**CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRONG  
MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2014

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

**HÀ THỊ HƯƠNG LAN**

**CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRONG  
MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Kinh tế chính trị

*Mã số* : 62 31 01 01

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

*Người hướng dẫn khoa học*: PGS, TS. HOÀNG THỊ BÍCH LOAN

**HÀ NỘI - 2014**

**LỜI CAM ĐOAN**

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi. Các số liệu sử dụng phân tích trong luận án có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đã công bố theo đúng quy định.*

**Nghiên cứu sinh**

**Hà Thị Hương Lan**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI</b>	5
1.1. Những công trình khoa học đã được nghiên cứu liên quan đến đề tài	5
1.2. Đánh giá chung và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	26
<b>Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ</b>	29
2.1. Cơ sở lý luận về công nghiệp hỗ trợ	29
2.2. Vai trò của phát triển công nghiệp hỗ trợ đối với nền kinh tế quốc dân nói chung và ngành công nghiệp nói riêng	49
2.3. Kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp và bài học cho Việt Nam	64
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRONG MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006 - 2013</b>	78
3.1. Những thuận lợi, khó khăn và nhân tố mới ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam	78
3.2. Thực trạng công nghiệp hỗ trợ trong ngành công nghiệp xe máy, dệt may và điện tử ở Việt Nam	86
3.3. Đánh giá chung về công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam	107
<b>Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TRONG MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020</b>	118
4.1. Quan điểm cơ bản nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam	118
4.2. Giải pháp chủ yếu nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam	127
<b>KẾT LUẬN</b>	149
<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN</b>	151
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	152
<b>PHỤ LỤC</b>	165

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	<i>The Association of Southeast Asian Nations</i> Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương
BOI	Ủy ban đầu tư Thái Lan
CNHT	Công nghiệp hỗ trợ
CNPT	Công nghiệp phụ trợ
CNH, HDH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CCN	Cụm công nghiệp
CLKN	Cụm liên kết ngành
CNCNC	Công nghiệp công nghệ cao
CSDL	Cơ sở dữ liệu
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNNVV (SMEs)	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GTSX	Giá trị sản xuất
KCN	Khu công nghiệp
KH-CN	Khoa học - công nghệ
MOI	Bộ Công nghiệp Thái Lan
MITI (METI)	Bộ Kinh tế công nghiệp và Thương Mại Nhật Bản
MLSX	Mạng lưới sản xuất
MNCs	Công ty đa quốc gia
JETRO	<i>The Japan External Trade Organization</i> Cơ quan xúc tiến ngoại thương Nhật Bản
JICA	<i>Japan International Cooperation Agency</i> Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
TNCs	Công ty xuyên quốc gia
UNIDO	<i>The United Nations Industrial Development Organization</i> Tổ chức phát triển công nghiệp của Liên Hiệp Quốc
VCCI	<i>Vietnam Chamber of Commerce and Industry</i> Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VDF	<i>Viet Nam Development Forum</i> Diễn đàn phát triển Việt Nam

## DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
Bảng 3.1: GTSX công nghiệp lĩnh vực sản xuất linh kiện phụ tùng	88
Bảng 3.2: Lao động trong lĩnh vực sản xuất linh kiện phụ tùng	89
Bảng 3.3: Quy mô của doanh nghiệp CNHT xe máy	91
Bảng 3.4: Tỷ lệ nội địa hóa của một số hãng xe máy	93
Bảng 3.5: GTSX công nghiệp CNHT ngành dệt may	96
Bảng 3.6: Lao động lĩnh vực CNHT ngành dệt may	97
Bảng 3.7: Doanh thu của các doanh nghiệp CN dệt may từ 2000 - 2012	98
Bảng 3.8: Tình hình nhập khẩu của ngành dệt may từ năm 2006 - 2012	99
Bảng 3.9: Số lượng doanh nghiệp CNHT ngành Điện tử 2006 - 2013	103
Bảng 3.10: Tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm công nghệ thông tin từ năm 2008 - 2013	106
Bảng 3.11: Đánh giá SWOT về công nghiệp hỗ trợ Việt Nam	117
Bảng 4.1: Nhóm chỉ tiêu phân đầu của ngành công nghiệp	120

## DANH MỤC CÁC BIỂU

	<i>Trang</i>
Biểu đồ 3.1: Số lượng doanh nghiệp sản xuất linh kiện phụ tùng	87
Biểu đồ 3.2: Giá trị sản xuất công nghiệp một số ngành công nghiệp	88
Biểu đồ 3.3: Lao động trong công nghiệp chế biến, chế tạo	89
Biểu đồ 3.4: Doanh nghiệp sản xuất linh kiện phụ tùng xe máy	93
Biểu đồ 3.5: Trị giá hàng dệt may xuất khẩu từ 2000 - 2013	95
Biểu đồ 3.6: Số lượng các doanh nghiệp CNHT ngành dệt may năm 2012	95
Biểu đồ 3.7: Vốn đầu tư của doanh nghiệp sản xuất sợi và dệt vải	96
Biểu đồ 3.8: Tổng doanh thu công nghiệp điện tử Việt Nam	102
Biểu đồ 3.9: Vốn kinh doanh bình quân của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính	103
Biểu đồ 3.10: Kim ngạch nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện theo tháng, giai đoạn 2010 - 2012	105
Biểu đồ 3.11: Cơ cấu đầu tư trong ngành điện tử	106

## DANH MỤC CÁC HỘP

	<i>Trang</i>
Hộp 2.1: Ngành chế tạo ô tô: sau động đất, sóng thần 11/3/2011 tại Nhật Bản	53
Hộp 2.2: Rủi ro của các nhà cung ứng linh kiện ô tô	63

## DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

	<i>Trang</i>
Sơ đồ 2.1: Các phạm vi của CNHT	31
Sơ đồ 2.2: CNHT theo nghĩa rộng	33
Sơ đồ 2.3: Các lớp cung ứng hỗ trợ	35
Sơ đồ 2.4: Chuỗi giá trị trong một ngành công nghiệp	51
Sơ đồ 2.5: Cấu trúc chuỗi giá trị giữa linh kiện và lao động	57
Sơ đồ 4.1: Mô hình Cơ sở dữ liệu về công nghiệp hỗ trợ quốc gia	138

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hoá kinh tế mở rộng hiện nay, các nền kinh tế quốc gia, khu vực đang có xu hướng hợp nhất và trở thành một bộ phận, một hệ thống quan trọng trong mạng lưới hợp tác phân công lao động toàn cầu. Mọi quốc gia muốn phát triển phải gắn phân công lao động quốc gia vào hệ thống phân công lao động quốc tế. Khi trình độ phân công lao động quốc tế và phân chia quá trình sản xuất đạt đến mức độ cao, không một sản phẩm công nghiệp nào được sản xuất tại một không gian, địa điểm hay một công ty duy nhất của một quốc gia; chúng được phân chia thành nhiều công đoạn ở các công ty cấn nhánh tại các địa phương, quốc gia, châu lục khác nhau. Ngành công nghiệp hỗ trợ ra đời như một tất yếu xuất phát từ đòi hỏi của nền sản xuất công nghiệp mới với nội dung cơ bản là chuyên môn hóa sâu sắc các công đoạn của quá trình sản xuất.

Việt Nam, là một nước đang phát triển, đang trong tiến trình đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước để xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển công nghiệp hỗ trợ có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển đất nước. Thực tiễn ở một số nước trên thế giới và Việt Nam đã chứng minh, sự phát triển đúng hướng của ngành công nghiệp hỗ trợ là tiền đề quan trọng đóng góp vào quá trình phát triển nền kinh tế quốc dân; phát triển công nghiệp hỗ trợ trở là nhân tố đóng vai trò quyết định sự phát triển của các ngành công nghiệp. Công nghiệp hỗ trợ phát triển góp phần làm tăng tỷ lệ nội địa hoá, giảm nhập khẩu, giảm giá thành sản phẩm, giảm sự phụ thuộc vào “bên ngoài”, đảm bảo tính chủ động cho nền kinh tế. Công nghiệp hỗ trợ phát triển góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy cao độ các yếu tố nội lực, phát triển nguồn nhân lực, mối liên kết công nghiệp và sử dụng công nghệ cao, tăng giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, nó đáp ứng một cách linh hoạt, kịp thời trước nhu cầu phải thay đổi tính năng, kiểu dáng, mẫu



mã, dây chuyền, công nghệ của nhà sản xuất công nghiệp do thị hiếu tiêu dùng ngày càng cao và cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Ngoài ra, phát triển công nghiệp hỗ trợ sẽ góp phần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao sức hút đầu tư vào những lĩnh vực công nghiệp mà công nghiệp hỗ trợ đi trước một bước để “mở đường”. Chính vì vậy, công nghiệp hỗ trợ phát triển sẽ nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp, ngành công nghiệp nói riêng cũng như của cả nền kinh tế quốc dân nói chung đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, Việt Nam hiện nay, hệ thống Luật pháp và chính sách chưa đủ mạnh để tạo điều kiện về môi trường pháp lý, định hướng và khuyến khích đầu tư, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ. Hiện ngành công nghiệp hỗ trợ còn khá non trẻ, quy mô nhỏ, tính cạnh tranh thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp chế tạo và lắp ráp. Phát triển công nghiệp hỗ trợ là vấn đề mới, phạm vi rộng và nội dung phức tạp liên quan đến các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ công nghiệp. Việt Nam, với nguồn lực hạn hẹp, quy mô các ngành kinh tế hạn chế, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ đòi hỏi nguồn vốn lớn, công nghệ cao, lao động chất lượng, đây là khó khăn lớn. Để phát huy lợi thế so sánh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nói riêng, quá trình hội nhập quốc tế nói chung, phù hợp với thực trạng nền kinh tế Việt Nam hiện nay thì lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ trở thành một vấn đề mang tính khách quan và thiết thực. Đây là một vấn đề cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn, với ý nghĩa đó tác giả chọn đề tài: “*Công nghiệp hỗ trợ trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam*” làm luận án tiến sĩ, chuyên ngành kinh tế chính trị.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

### ***2.1. Mục đích nghiên cứu***

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về CNHT, đặc biệt làm rõ vai trò và những tiêu chí đánh giá mức độ phát triển CNHT; Luận án phân tích, đánh giá thực trạng CNHT trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong phát triển CNHT. Từ đó đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển CNHT trong một số ngành công nghiệp Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Luận án chủ yếu tập trung vào những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Luận giải những vấn đề lý luận chung về CNHT. Đặc biệt làm rõ vai trò của CNHT.
- Nghiên cứu kinh nghiệm phát triển CNHT của một số quốc gia. Từ đó rút ra một số bài học có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.
- Phân tích, đánh giá thực trạng CNHT trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2013. Từ đó chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với phát triển CNHT trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.
- Đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển CNHT trong một số ngành công nghiệp Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án**

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là CNHT trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam, cụ thể là tập trung nghiên cứu CNHT ở 03 ngành chủ yếu là xe máy, dệt may và điện tử dưới góc độ kinh tế chính trị.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án**

- Về không gian: Luận án nghiên cứu CNHT trong một số ngành công nghiệp Việt Nam, trong đó tập trung nghiên cứu CNHT của 03 ngành xe máy, dệt may, điện tử trên phạm vi cả nước.
- Về thời gian: Luận án nghiên cứu CNHT trong một số ngành công nghiệp ở Việt Nam từ năm 2006 đến năm 2013.

## **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án**

### **4.1. Cơ sở lý luận**

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là lý luận về phân công lao động và chuyên môn hóa sản xuất.

Luận án sử dụng một số lý thuyết và mô hình kinh tế học như liên kết kinh doanh (business linkages), chuỗi giá trị (value chain), cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp (industrial cluster) để phân tích và làm rõ vấn đề nghiên cứu.